

HÌNH TƯỢNG BỒ TÁT QUAN THẾ ÂM NGHÌN TAY NGHÌN MẮT

(từ Tín Ngưỡng Dân Gian đến Đỉnh Cao của Nền Mỹ Thuật Phật Giáo
Việt Nam)

Thích Hạnh Tuấn

Chúng ta nhìn thấy trên đây bức hình của pho tượng Bồ Tát Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt bằng gỗ sơn son thếp vàng, cao 3 mét 60 đang được tôn trí tại Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật, Hà Nội, Việt Nam. Pho tượng này đã được phục chế theo mẫu của pho tượng Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt đang được trân quý và giữ gìn tại Chùa Ninh Phúc còn gọi là Chùa Bút Tháp tại tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Những đường nét tinh tế, điêu luyện và sự bố cục cân đối trong tư thế ngồi rất hùng tráng của pho tượng đã đạt đến đỉnh cao mỹ thuật của Phật giáo Việt Nam vào thế kỷ thứ 17. Đã nhiều lần, pho tượng đã được đem đi ra ngoại quốc để triển lãm.

Hiện nay, pho tượng này đã được dùng làm tượng mẫu để điêu khắc hàng nghìn pho tượng lớn nhỏ khác nhau bởi nhiều điều khắc gia tài ba lối lạc đã được thịnh về tôn trí rất nhiều nơi trong nước cũng như rất nhiều chùa viện tại hải ngoại. (Hình trên là pho tượng Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt (cao 3.60 mét) đang được tôn trí tại Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật, Hà Nội).

Quan Thế Âm hay Quan Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt (Thiên Thủ Thiên Nhân) là biểu tượng tuyệt vời nhất của tư tưởng trí tuệ, từ bi, giác ngộ giải thoát của Phật Giáo Đại Thừa.

Tại Việt Nam, tín ngưỡng tôn thờ tượng hình Bồ Tát Quan Thế Âm bằng gỗ, bằng đất nung và bằng đá hiện còn tồn tại xuất phát từ đời nhà Mạc, cuối thế kỷ thứ 16 (1527-1592). Tượng hình Quan Thế Âm Bồ Tát với tư thế ngồi toà sen rất được phổ biến từ thời đại này trở đi. Trong thời đại Nhà Mạc, tượng hình Bồ Tát Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt là pho tượng đặc trưng cho đỉnh cao của nền Mỹ thuật tượng hình của Phật Giáo Việt Nam.

Tại Việt Nam, tượng hình Bồ Tát Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt có một chiều dài lịch sử phát triển đặc biệt cần được tìm hiểu một cách nghiêm túc. Một cách đại cương, pho tượng đã được phát nguồn từ tín ngưỡng trì tụng Thần Chú Đại Bi (Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni hay tiếng phạn đọc là Aryavalokitesvaraya Bodhisattvaya Mahasattvaya dharni), trở nên rất phổ thông và nổi tiếng không những chỉ trong giới tu sĩ xuất gia mà còn đối với giới cư sĩ tại gia. Trong đời nhà Lý đã có hàng ngàn tu sĩ trì tụng thần chú đại bi này, trong số đó có một vị thiền sư nổi tiếng là ngài Từ Đạo Hạnh (? -1117), hằng ngày phát nguyện trì tụng hàng trăm biến thần chú đại bi. Theo truyền thuyết được truyền tụng tại Chùa Thầy, tỉnh Hà Tây, ngài Từ Đạo Hạnh đã chứng đắc thần thông diệu dụng do sự nhiệm mầu và trí lực của Bồ Tát Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt.

Kể từ thế kỷ thứ 13 trở đi, Bồ tát Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt được truyền tụng trong khắp dân gian, rất nhiều pho tượng Bồ Tát Quan Thế Âm được điêu khắc để phụng thờ tại rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng. Tuy vậy, rất ít ngôi chùa tại miền Bắc Việt Nam còn giữ được những pho tượng của giai đoạn lịch sử này. Cùng lúc đó, ngôi Chùa Đại Bi đã được xây cất trong. Cái tên gọi của chùa cho chúng ta thấy sự ảnh hưởng sâu đậm tín ngưỡng trì tụng Thần Chú Đại Bi và sự linh hiển nhiệm mầu của Bồ Tát Đại Bi Quan Thế Âm.

Mặc dù Phật giáo tại Việt Nam vào thế kỷ thứ 15 dường như bị mai một, nhưng tượng hình Bồ Tát Quan Thế Âm vẫn còn được tiếp tục điêu khắc chạm trổ để lễ bái phụng thờ. Sự kiện này cho thấy tín ngưỡng Quan Âm vẫn còn đóng một vai trò rất quan trọng trong hoàn cảnh dù thịnh đạt hay suy vi. Khi Phật giáo Việt Nam được phục hưng vào thế kỷ thứ 16, hình tượng Bồ Tát Quan Thế Âm lấy lại được vị trí nổi tiếng của nó với hình tượng có nhiều cánh tay đã được điêu khắc chạm trổ để tôn thờ tại nhiều chùa viện khắp cả nước. Trong số hình tượng này, có hình tượng Quan Âm Toạ Sơn, Quan Âm Thị Kính, Quan Âm Diệu Thiện, Quan Âm Tống Tử...

Quan Âm Tống Tử, hay Quan Âm Đồng Tử trong truyền thống tín ngưỡng hình tượng còn được biết với danh hiệu Quan Âm Thị Kính. Cả hai đều phát nguồn từ một câu chuyện trong truyền thuyết dân gian. Hình ảnh pho tượng Quan Âm tay ôm đồng tử lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử tín ngưỡng tượng hình tại Việt Nam vào thế kỷ thứ 17 và đã trở nên nổi tiếng vào thế kỷ thứ 18. Tượng hình xuất hiện với thân người nữ, đặc biệt là người nữ không có con trai để nối dõi tông đường, hoặc những người phụ nữ không có gia đình. Bồ Tát Quan Âm hoá hiện với hình ảnh chú bé con sinh ra trong gia đình của người phụ nữ này như là sự linh ứng nhiệm mầu do sự cầu nguyện Quan Âm để cho người phụ nữ này làm tròn sứ mạng hiếu đễ trong gia tộc theo truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Rất nhiều người Việt trong chúng ta (đặc biệt là những cụ già) biết rõ về câu chuyện Quan Âm Thị Kính. Trong quá khứ cũng như hiện nay câu chuyện về Quan Âm Thị Kính còn được trình diễn trong các tuồng cải lương, hát chèo và văn học chữ Nôm. Câu chuyện được kể rằng, có một người phụ nữ đạo hạnh và rất xinh đẹp tên là Thị Kính thuộc con nhà họ Mãng, có chồng tên là Thiện Sĩ. Chồng nàng là một bạch diện thư sinh. Thị Kính vốn là người vợ có công dung ngôn hạnh vẹn toàn thương yêu và tôn thờ chồng hết mực. Nàng hy sinh tất cả thì giờ của mình để chăm sóc cho chàng ăn học mong sao cho chàng có đầy đủ thì giờ để học bài để thi cử đỗ đạt nên danh phận.

Vào một đêm khuya, trong khi Thiện Sĩ đang học bài bên cạnh Thị Kính ngồi đan áo cho chồng mình. Vì quá

một mồi do vì thức khuya để học bài, Thiện Sĩ ngủ gục trên bàn. Lúc ấy, Thị Kính nhìn thấy một sợi râu lạ mọc ngược trên cổ của Thiện Sĩ. Thị Kính nghĩ rằng sợi râu mọc ngược như vậy là không tốt, bèn dùng kéo để xấp bỏ sợi râu ấy. Bất hạnh thay, ngay trong lúc đó Thị Kính làm rụng cái kéo vào cổ của Thiện Sĩ khiến cho Thiện Sĩ bị thức giấc. Chàng ta hoảng sợ và kêu la cầu cứu vì tưởng rằng vợ mình là Thị Kính muốn giết mình. Mẹ chàng Thiện Sĩ chạy đến và kết tội oan cho Thị Kính là cố ý giết chồng. Do vậy, Thị Kính đã bị mẹ chồng đuổi về quê cha mẹ ruột của mình.

Vì quá đau khổ cho nỗi oan của mình, Thị Kính lại nghĩ rằng nếu mình quay về nhà cha mẹ ruột thì có thể mang lây tiếng xấu cho cha mẹ, do vậy, nàng trốn chạy khỏi nhà chồng ra đi lang thang, cuối cùng nàng bèn giả gái thành trai để tìm đến chốn thiền môn xuất gia đầu Phật, ngày đêm kinh kệ tu niệm. Sau được Sư Cụ Trụ Trì một ngôi chùa tế độ cho xuất gia tu học và đặt cho pháp hiệu là Kính Tâm. Và kể từ đó Thị Kính được gọi là Kính Tâm (chú tiểu Kính Tâm).

Thế nhưng chẳng bao lâu, một tai nạn khác lại giáng xuống đầu chú tiểu Kính Tâm. Có một cô con gái tên là Thị Mầu, vốn con nhà giàu sang phú quý, trâm anh thế phiệt. Thị Mầu thường lui tới cửa Phật và đã lụy tình vì chú tiểu Kính Tâm. Chú tiểu Kính Tâm vốn là nàng con gái Thị Kính giả trai làm sao có tình yêu với Thị Mầu. Không được đáp ứng tiếng gọi của ái tình, do vậy Thị Mầu mới đem tâm chọc ghẹo tìm cách báo thù.

Thị Mầu bèn giao du với chàng trai vốn là người làm công phục vụ trong nhà cho nên đã có bầu mang thai. Vì chưa cưới chồng mà đã có thai nên Thị Mầu bị người hàng xóm láng giềng tra khảo gạn hỏi. Thị Mầu bảo rằng nàng ta đã bị chú tiểu Kính Tâm quyến rũ và tác giả đứa bé trong bụng của Thị Mầu chính là chú tiểu Kính Tâm.

Do vậy, chú tiểu Kính Tâm bị đưa ra trước công đường xử phạt nặng nề vì tội quan hệ trai gái không chính đáng. Mặc dù bị xử oan, nhưng Kính Tâm vẫn không để lộ tông tích của mình là gái giả trai. Vì lòng từ bi vô hạn, Sư Cụ Viện Chủ ngôi chùa phải trả tiền thế thân tại ngoại với giá rất đắt để chú tiểu Kính Tâm về chùa tiếp tục tu niệm. Tuy nhiên, Kính Tâm không được ở trong nội viện mà phải ăn ở ngoài tháp chuông chùa gần nơi lối ra vào cổng tam quan.

Sau khi Thị Mầu hạ sinh đứa con trai, Thị Mầu mới đem bỏ trước cổng tam quan của chùa. Với tình yêu thương vô bờ sẵn có của một người phụ nữ, Kính Tâm nhận đứa con trai này làm con nuôi. Hằng ngày Kính Tâm đi xin sữa và thức ăn quanh xóm để nuôi chú bé vốn là đứa con của Thị Mầu. Sự kiện này khiến Kính Tâm lại càng bị người hàng xóm láng giềng dèm pha si nhục. Kính Tâm chăm sóc cậu bé ròng rã 3 năm và phải sống trong hoàn cảnh thiếu thốn, Kính Tâm phát bệnh nặng. Ngại rằng mình phải bị chết vì cơn bạo bệnh đang hoành hành, Thị Kính (chú tiểu Kính Tâm) mới viết thư gửi cho cha mẹ ruột của mình để xin song thân phụ mẫu đem chú bé giao cho Sư Cụ Viện Chủ ngôi chùa mà Kính Tâm đang ở, trước khi Kính Tâm nhắm mắt lìa trần.

Sau khi Kính Tâm chết, người dân trong làng tắm rửa tắm liệm Kính Tâm, họ mới phát hiện ra rằng chú tiểu Kính Tâm vốn là gái giả trai vào chùa tu niệm, mới nhận chân được lòng từ vô hạn của Thị Kính cũng như nỗi đau khổ nhọc nhằn vì bị bạc đãi bởi bên nhà chồng và dân chúng trong làng. Tất cả mọi người dân làng bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với Thị Kính đã cử hành tang lễ cầu siêu vô cùng trang nghiêm và trọng thể để giải oan cho nàng.

Thật là linh hiển nhiệm mầu, trong giữa lúc cử hành tang lễ có một mùi hương thơm ngào ngạt toả khắp không gian, mọi người đang tham dự tang lễ ngược nhìn lên trời mới thấy Thị Kính xuất hiện với hình dáng Mẹ Hiền Quan Thế Âm đang đứng giữa mây trời với năm sắc hào quang sáng ngời.

Qua câu chuyện này chúng ta thấy Bồ Tát Quan Thế Âm xuất hiện với thân tướng người nữ trong hoá kiếp cuối cùng của ngài. Kỳ thực, trong câu chuyện Quan Âm Thị Kính vừa kể trên đây của Việt Nam, ngài không có xuất hiện với nghìn tay nghìn mắt như pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm nổi tiếng tại Chùa Bút Tháp, tỉnh Bắc Ninh Việt Nam. Tuy vậy, câu chuyện Quan Âm Đồng Tử, Quan Âm Tống Tử rất gần gũi với hình ảnh người bình dân là Quan Âm Thị Kính bằng con trên tay của Ngài. Đối với người đàn bà mà không sinh được con trai để nối dõi tông đường muốn cầu được sinh con trai ngõ hầu tránh khỏi tiếng dèm pha chế nhạo của tiếng đời. Điều này không những chỉ xuất hiện trong văn hoá của Phật Giáo Việt Nam mà đã có gốc rễ từ các nước trong vùng Đông Nam Châu Á như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn. Tất cả đều bắt nguồn từ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn..

Có một đoạn kinh trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa liên hệ trực tiếp đến sự linh thiêng mầu nhiệm khi người phụ nữ cầu xin được sinh con trai hay con gái như sau, "Nhược hữu nữ nơn, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường, Quan Thế Âm Bồ tát tiện sanh phước, đức trí huệ chi nam, thiết dục cầu nữ, lễ bái cúng dường, Quan Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức, trí tuệ chi nữ" (Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán-Thế-Âm Bồ-Tát, liền sanh con trai phúc đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái hình tướng xinh đẹp, trước đã trồng gốc phước đức, mọi người đều kính mến).

Mặc dù trong văn bản kinh Pháp Hoa tiếng Phạn cũng như những văn bản phiên dịch tiếng Anh thì Quan Thế Âm không có phân biệt Nam thân hay nữ tướng. Nhưng trong truyền thống của Phật giáo Trung Hoa và Việt Nam, thì Bồ Tát Quan Thế Âm được biết với thân tướng người nữ. Qua hai câu chuyện Quan Âm Đồng Tử, Quan Âm Tống Tử đến tích truyện Quan Âm Thị Kính đã được truyền tụng trong dân gian, chúng ta thấy rõ rằng Quan Âm tại Việt Nam xuất hiện với hình tướng người nữ.



(Hình bên là pho tượng Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt (cao 2.80 mét) đang được tôn trí tại Tiền Đường của Chùa Trúc Lâm, Chicago, USA.)

Quan Âm Thị Kính có cùng một nguồn gốc với Quan Âm Đồng Tử, rất được phổ biến trong dân gian hầu hết đạo hữu Phật tử Việt Nam đều biết. Tuy nhiên cũng có một số thanh thiếu niên chưa có cơ hội tìm hiểu cho nên chúng tôi xin được trình bày về chi tiết truyền tích Quan Âm Thị Kính. Hình tượng Mẹ Hiền Quan Âm bồng con hay Quan Âm có đồng tử theo hầu xuất hiện lần đầu tiên ở Việt Nam.

Ngoài hình ảnh Quan Âm Đồng Tử, Quan Âm Thị Kính, trong dân gian Việt còn có hình ảnh Quan Âm Diệu Thiện. Kỳ thực Quan Âm Diệu Thiện có gốc rễ trong tín ngưỡng dân gian của Phật Giáo Trung Hoa bắt đầu vào thế kỷ thứ XI.

Câu chuyện về Quan Âm Diệu Thiện được truyền tụng vào thế kỷ XI kể rằng có một vị vua không có con trai để nối truyền ngôi vị. Sau nhiều ngày cầu khẩn tha thiết lễ bái cầu nguyện, thay vì sinh được con trai thì hoàng hậu hạ sinh 3 người con gái tướng đẹp kiêu diễm thướt tha. Hai người chị gái có chồng, riêng người thứ ba có tên là Diệu Thiện quyết định không có chồng để đi tu trở thành một ni cô. Diệu Thiện cầu nguyện nương nhờ thần lực của Ngọc Hoàng và xuống địa ngục tầng thứ 18 mà cứu vớt vô số chúng sinh đang bị chìm đắm khổ đau trong chốn địa ngục. Sau đó, Diệu Thiện đến núi Hương Cao và tọa thiền ở đó suốt chín năm và chứng đắc thần thông pháp lực nhiệm mầu. Với thần thông diệu lực này Diệu Thiện đã biến hoá mình thành một bác sĩ để điều trị cơn bệnh ngặt nghèo của vua cha bằng cách xả bỏ tay chân và mắt mũi của mình. Cuối cùng Diệu Thiện biến hiện thành Bồ Tát Quan Thế Âm có Nghìn Tay Nghìn Mắt và hướng dẫn gia đình hoàng tộc của Diệu Thiện trở về con đường chân lý giải thoát giác ngộ.

Thật khó mà biết được câu chuyện kể trên từ Trung Hoa được truyền sang Việt Nam vào giai đoạn nào. Vào khoảng thế kỷ thứ 16, Diệu Thiện trở thành một danh hiệu khác là Quan Thế Âm. Trong một văn bia đời nhà Mạc, năm 1578 một học giả nổi tiếng đương thời là Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) cho biết rằng pho tượng Diệu Thiện được tôn thờ tại Chùa Cao Dương. Văn bia còn ghi rõ Diệu Thiện là một biểu tượng rất đặc thù của giáo lý từ bi trong đạo Phật. Mãi cho đến cuối thế kỷ thứ 17 vào đầu thế kỷ thứ 18, trong văn học chữ Nôm có vài văn bản về chuyện tích về Diệu Thiện và Quan Âm Nam Hải đã được phiên dịch trong văn Học chữ Nôm.

Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt trước hết có liên hệ mật thiết với sự thực tập trì chú Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Dần dần đã trở nên một biểu tượng rất lớn trong chùa viện Phật giáo. Câu chuyện Quan Âm Diệu Thiện giúp cho chúng ta lý giải về hình tượng đặc thù của Bồ Tát với nghìn tay nghìn mắt. Tích chuyện này cũng gắn liền với tư tưởng hiếu nghĩa của dân gian, đặc biệt đối với người đàn bà không có con trai để nối dõi tông đường. Trên thực tế, chỉ có những ngôi chùa lớn và những đại thí chủ giàu có tiền bạc mới có đủ phương tiện để phát tâm cúng dường điêu khắc chạm trổ pho tượng Quan Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt với kích cỡ và giá trị như pho tượng Quan Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt đang tôn trí tại toà nhà chính của Chùa Bút Tháp.

Cho dù Quan Âm Bồ Tát hoá hiện nhiều thân tướng khác nhau trong truyền thống tín ngưỡng tôn thờ của Phật giáo Việt Nam, ngày nay, hình tượng Quan Thế Âm trong tín ngưỡng Tịnh Độ Tông được biết như là vị Bồ Tát trợ tá cho Đức Phật A Di Đà trên cõi Tây Phương Tịnh Độ để tiếp dẫn hương linh vãng sinh Cực Lạc, như là hình ảnh tuyệt vời đang ngồi trên đỉnh núi cao và hướng về Biển Nam Hải để cứu vớt thuyền bè nạn nhân vốn là thương nhân đang lâm nạn trên biển cả.

Đúng vậy, trên đường vượt biển tìm tự do của hàng triệu người Việt, đã có sự cứu vớt linh hiển nhiệm mầu của Mẹ Hiền Quan Thế Âm. Do vậy, Quan Thế Âm Bồ Tát cần có Nghìn Tay Nghìn Mắt là để nhìn và để thấy cũng như cứu vớt tất cả vạn loại chúng sinh đang chìm đắm trong sông mê biển khổ. Hơn thế nữa, với lòng từ bi cứu tế vô hạn, Quan Thế Âm Bồ Tát còn hiện hữu trong nhiều tầng của địa ngục để cứu độ sinh linh...

Triết lý từ bi trí tuệ, tư tưởng giải thoát giác ngộ vô cùng sâu thẳm của Phật giáo Đại thừa đã thấm nhuần vào trong từng làn da thớ thịt, trong từng hơi thở và nụ cười của chúng ta kể từ thuở bình minh của Phật giáo. Hình tượng Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt là biểu tượng tuyệt vời nói lên được những ý nghĩa sâu thẳm đó.

Nam Mô Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát

Chùa Trúc Lâm, Chicago
(Ngày Lễ An Vị Tôn Tượng Quan Thế Âm Nghìn Tay Nghìn Mắt)

The Image of Kwan-Yin of Thousand Eyes and Thousand Arms

(from the religious and cultural perspective to the Vietnamese Buddhist artistic consideration)

**By Rev. Thích Hạnh Tuan
Vien Minh Translated to English**

Above is the picture of Kwan-Yin of Thousand Arms and Eyes. The real statue was 3.6 meters tall, carved from wood and painted and inlaid with gold, and is displayed at the Ancient Arts Museum in Hanoi, Vietnam. It is the replica of the original statue still in use at the Ninh Phuc Temple – also known as the “Pencil Stupa” temple because of its pointed construction – in Bac Ninh, North Vietnam.

The intricate carving, experienced precision, well-balanced arrangement and mighty sitting position of the statue predictably indicate the highest artistic achievement in the ancient Vietnamese Buddhist arts of the 17th century. This particular statue has been a loaner for museum display worldwide on many occasions.

For a while now, this statue of Kwan-Yin of Thousand Arms and Eyes is used as standard for numerous carving and sculpting of thousands other statues being revered at temples throughout Vietnam as well as many community temples all around the world. Some are sculpted by many well-known sculptors and are valuable in artistry, as well as representation of wisdom, compassion, and total enlightenment and salvation.

In Vietnam, the tradition of having Kwan-Yin statue made of ceramic, stone, or wood carving placed in individuals’ homes went back all the way to the Mac dynasty around the end of the 16th century (1527-1592). It was usually the statue of Kwan-Yin in the lotus-sitting position that became very popular around this time and remained one of the favorites among Vietnamese Buddhists. But it was also during this same era that sculpting Kwan-Yin statues especially that of the Thousand Eyes and Arms has become the highlight of Buddhist arts.



Figure 1 Quan Am Chua But Thap

In Vietnam this tradition of choosing Kwan-Yin of the Thousand Arms and Eyes has been of long-standing and needs to be further studied and thoroughly understood. The statue originated from the most commonly chanted mantra of Great Compassion (*s. Maha Karuna Dharani, ch. Da-Bei Zhou, v. Chú Đại Bi*) which in its complete long name in Sanskrit is called the *Avalokitesvaraya Bodhisattvaya Mahasattvaya Karuna Dharani mantra* and translated to the Great Compassion mantra of Kwan-Yin of Thousand Arms and Thousand Eyes. It is one of the most favorites chanting mantra not just among the monastics but with lay practitioners as well. No one knows of when it became so universal and in general use. History indicated that during the Ly dynasty, one of the well-known Zen master Tu Dao Hanh (? - 1117) was known to practice reciting this Great Compassion mantra one hundred times per day, plus thousands of other monastic members were said to exclusively choose this mantra in their daily practice. Tradition has it that Master Tu Dao Hanh of Thay Temple in Ha Tay province of Vietnam, attained enlightenment through the miraculous efficacy of this particular mantra of the Thousand Armed and Eyed Kwan-Yin Bodhisattva.

From the 13th century onwards, Bodhisattva Kwan-Yin of Thousand Arms and Eyes was more recognized by the general public. Many statues were created for large and famous temples. However there is no evidence of any remnants of these statues from this prominent era in the majority of temples in North Vietnam. The Great Compassion temple was also constructed during this period. Its name alone is enough to give us the sense of how profound the influence of this mantra was to the general public, and how they adored, revered, and believed in the marvels of this Kwan-Yin Bodhisattva.

Even though during the 15th century in Vietnam, Buddhism went through a period of low hibernation, there were still evidence of numerous statues of Kwan-Yin being made and that the faith in Kwan-yin was still very strong, despite a difficult and weakened time for Buddhism in history. Once Buddhism regained its status in the mid 16th century, the same statue of Thousand Armed and Eyed Kwan-yin also resurfaced, and entered into its highly-renowned artistry that we know now. Among them are statues depicting many "folklore" Kwan-Yin such as Kwan-Yin sitting on Mountain, "Thi Kinh" Kwan-Yin, "Dieu Thien" Kwan-Yin, and Kwan-Yin with Child...

The Kwan-Yin with Child is a statue of a female Bodhisattva – sometimes also known as Thi Kinh Kwan-Yin. She carried a child on her arms, and was found to originate sometimes during the 17th century and has become familiar and well celebrated in the 18th century. The female compassionated features of this statue appealed to women who cannot bear children or have no sons to carry on the family legacy. In the ancient Asian – Vietnamese included – social and cultural belief, married women who cannot give their husbands and family sons are doomed; these women often came to "pray" to Kwan-Yin with Child in order to have boys to fulfill the task of their dedication to the ancestors. This same Kwan-Yin also is the patron for those unmarried women often ridiculed by society.

The folklore story of Kwan-Yin with Child, also called "Thi Kinh" Kwan-Yin was made into legendary plays, folklore musicals, as well as entered the world of literature. So it is well known by the older generation. And the

legend goes like this:

There was a beautiful woman of good standards whose family name was Mang, and her given name was Thi Kinh. She married a scholar named Thien Si. She devoted her time taking care of him as a good wife should, assuring his comfort and well-being for long hours of studying. She wanted her husband to pass all his difficult examinations and to succeed at becoming a prestigious officer in society.

One particular night, exhausted with hours at the books, Thien Si fell asleep at his study desk. While sitting next to him and knitting his sweater, Thi Kinh noticed a misdirected hair growing backward from his neck. She thought that the hair might bother her husband and cause trouble for him. So without waking him up, she used the scissors to try and remove it for him. Unfortunately, Thien Si woke up from his sleep at the very moment when she raised the sharp knife. Startled at seeing his own wife with a knife held close to his throat, he screamed for help saying that his wife was out to murder him. His mother came and the two of them threw Thi Kinh out of the house to return to her home village, without even giving her a chance to explain.

Wrongly blamed, unfairly treated, Thi Kinh left her husband's home. She could not think of returning to her parents because that would bring a bad name to her family. So desperate and saddened, she wandered far away to another village, eventually transformed herself into a man, and entered a temple to start a monastic life with devoted chanting morning and night. Later Thi Kinh (now a novice monk) was given the dharma name Kinh Tam and after a time practicing diligently and with sincere effort, his master allowed him to take the vow to become a Buddhist monk.

But not too long afterwards, other troubles surfaced, pounding Kinh Tam on the head once again. A beautiful rich girl named Thi Mau, who frequented the temple on occasions, had fallen in love with the handsome and saintly Kinh Tam. When Kinh Tam would not return her love (there is no way because Kinh Tam was really the female Thi Kinh), she turned nasty and found way to revenge for being rejected.

Thi Mau then had intimate relationship with one of the servant in her household and became pregnant. When confronted, she blamed that Kinh Tam had taken advantage of her and was the father for her unborn child.

Kinh Tam was taken to court, was fined and punished. He was ridiculed for being a monk who did unthinkable and disgraceful things. Injustice struck once more, the young monk was held responsible for something he couldn't have done. But Kinh Tam would never reveal his true identity. His master, with much compassion and love, paid the extravagant fine and brought Kinh Tam back to the temple, but he was no longer allowed to associate and function together with the rest of the monks. He had to live out by the bell tower at the three-entrance gate.

Meanwhile after giving birth to a little boy, Thi Mau left the baby at the temple's gate. Being a female by nature with an innate love for children, Kinh Tam took in the baby and raised it with the utmost care and love only a mother could provide. Each day the monk Kinh Tam went to the village begging for milk to feed the baby. This got the village's tongue wagging a whole lot more than before. When the boy was three years old, Kinh Tam became severely ill. At this point, Kinh Tam/Thi Kinh had no choice but to contact Thi Kinh's own parents to confess and to request that they would come and take care of the baby. Then he/she passed away.

Only after Kinh Tam's death that everyone found out that he was actually a she, and that his/her love and sacrifice was unbelievably great, as well as his/her pain and hardship suffered twice was unbelievably unjust. Now everyone admired and revered Thi Kinh, they gave her the best and most solemn funeral rites, trying to undo her injustice.

In the middle of the ceremony, suddenly there was a pleasant aroma all over in the air, and when people looked up toward the sky, they saw the shadow of Thi Kinh in the form of Kwan-Yin on high clouds with brilliant haloes and five-colored lights radiated brightly from her. She was then deemed Thi-Kinh Quan Am.

From this story came the statue of Kwan-Yin in the female personification in her last life. This particular Vietnamese form of Kwan-Yin did not appear with thousand arms and thousand eyes that was getting more known and famous like the one at But Thap Temple in Bac Ninh province. However, this story of Kwan-Yin with Child has become very dear to the common woman traditionally being a mother with her child on her loving arms. For the ridiculed women who cannot bear male children in the patriarchal societies that prefer male over female offspring to carry the family lineage, this Kwan-Yin is regarded as the god to whom they make sacrilegious offerings in seeking the birth of boys. This is not only relevant in the Vietnamese Buddhism, but takes roots in the traditional cultures of many south east Asian countries including China, Japan and Korea. On the Buddhist standpoint, it originates from the "Universal Gate (of Avalokiteshvara Bodhisattva)" chapter of the Lotus Sutra (*v. Kinh Phổ Môn*).

In this Universal Gate chapter, there is a section that directly mentioned the sacred and miraculous prayer to this Bodhisattva in women who called upon her to seek the birth of boys or girls. It is translated as:

"If women who seek sons bow and make offerings to Guanshiyin Bodhisattva, they will give birth to blessed, virtuous, and wise sons. If they seek daughters, they will give birth to upright and handsome daughters who have planted roots of virtue in previous lives and who are regarded and respected by all. (from the Translation by the Buddhist Text Translation Society in USA.

www.buddhistdoor.com/oldweb/resources/sutras/lotus/sources/contents.htm)

The original Lotus Sutra in Sanskrit language, as well as few direct translations to English do not distinctly specify the sex of this Kwan-Yin (Avalokiteshvara) Bodhisattva. But in the Chinese and Vietnamese traditions, Kwan-Yin or Quan Am is mostly known to have a female physique. And through the folklore story told above, one can see the influence of female personification of Kwan-Yin in the Vietnamese Buddhist culture.

Most older Buddhist practitioners of Vietnamese ethnicity should have heard or known about this "Quan Am Thi Kinh" as well as "Quan Am with Child" stories that have been very popular for quite some times. We retold the story mainly for the new generation of young folks who have not had the chance to find out, and who would apparently be astonished and confused at seeing some statues of Kwan-Yin with loving look of a mother with a

child on her arms, or children nearby. This truly originated from Vietnam only.

Besides Kwan-Yin with Child, and Quan Am Thi Kinh, there is also another form of Kwan-Yin that originated from the Chinese cultural beliefs of the early 11th century called Kwan-Yin Dieu Thien.

During the early years of the 11th century, there was an emperor who had no sons to pass down the throne. The queen gave birth to three successive girls who were the most beautiful women. The two older ones grew up and married rich princes. The youngest daughter, named Dieu Thien, just desired a spiritual life of a nun in a monastery. Due to her sincerity, diligence, persistence, and great practice effort, she was able to enter many layers of hell-dwelling habitats and rescued numerous souls and beings from purgatory. She went into the high mountains and meditated for nine years until attaining miraculous healing powers. With this blessed healing powers, she cured her king-father of his terminal illness by sacrificing her own body parts for him, and alleviated the pain and suffering of many people from diseases and illnesses by appearing as a kind physician. And finally appearing as Kwan-yin Bodhisattva, she converted her whole royal clan to follow the right path to attain salvation.

It is hard to pinpoint when the above story from China was orally transmitted to our Vietnamese folklore treasure chest; but it was right around the 16th century when Kwan-Yin Dieu Thien started to be commonly known in the general population. On a stone inscription in 1578 during the Mac dynasty, a famed scholar Nguyen Binh Khiem (1491-1585) had mentioned Dieu Thien Kwan-Yin being installed at Cao Duong temple. It also explained Dieu Thien was a special icon of the gentle and compassionate Buddhist teaching. Not until the end of the 17th or early 18th century that the tales about Dieu Thien and Quan Am Nam Hai (possibly the same or slight variant of the same story) were written in the Nôm script (*chữ Nôm is an adapted Vietnamese script using part Chinese characters and part newly invented Vietnamese characters*) and started to show up in our literature.

Meanwhile, the Kwan-Yin of Thousand Arms and Thousand Eyes is found to be in close relation with the recitation of the Great Compassion Darani Mantra. It eventually became an enormous iconography for many Buddhist temples in our country. The Kwan-Yin in these folklore stories literally gave us an explanation to the odd representation with many hands and eyes of this Bodhisattva. These stories also bound to the social beliefs of the people that women have to bear male offspring's to be dutifully pious to the family ancestry.

In reality, only the large temples or the elite class in society have the resources and capability to order the sculpting of such behemoth and intricately detailed statues like the one still remained at the But Thap temple in North Vietnam.

The Vietnamese Buddhist followers always know of Kwan-Yin Bodhisattva as one who manifests in numerous personifications for aid and rescue missions. In the Pure Land sect, on the other hand, Kwan-Yin is also revered as the helper of Amitabha Buddha in the Pure Land of the Eastern realm in guiding the recent-deaths to their blissful eternal non-returning place. Kwan-Yin is also seen as the gentle and magnificent Buddha who resides over the Nam Hai ocean to watch over and rescue those misfortune souls lost or in danger out at sea.

Incidentally, the million of Vietnamese Boat people, on their quest for freedom and dangerous escape by sea, have lots of miraculous stories where they are saved by just truly believing and praying to Kwan-Yin Bodhisattva of Thousand Eyes and Arms. It is no wonder that Kwan-Yin needs thousand arms and thousand eyes, because sentient beings are numerous, and they are not just in danger and need to be rescued from the ocean, but from the sea of ignorance and sufferings in which they are forever submerged as well. Moreover, Kwan-Yin with her inconceivable and immense compassion, would also reach out to those unfortunate souls who have fallen into many levels of purgatory and who really needed liberation as well.

The doctrine of compassion and wisdom together with the profound concept of salvation and enlightenment in the Mahayana Buddhist teachings have ingrained in our body and soul, penetrated deep into our very own breathing and laughter since the very beginning of Buddhism. And it is the iconic statue of Kwan-Yin (Quan Am) of Thousand Arms and Thousand Eyes that manifests and represents such philosophical profundity.

Namo Great Compassion Avalokiteshvara Bodhisattva Mahasattva.

From Truc Lam Temple, Chicago, Illinois
on the occasion of Statue Placement Ceremony of
the newly acquired statue of Quan Am of Thousand Arms and Thousand Eyes.
Viên Minh ([The Buddhist Translation Group](#))